

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 371/TTr-SXD ngày 29 tháng 8 năm 2026 và Báo cáo số 554/BC-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này; thường xuyên rà soát, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế Quyết định khi có căn cứ theo quy định.

2. Chủ đầu tư, đơn vị hoạt động xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi lập dự toán chi phí xây dựng, xác định tổng mức đầu tư xây dựng đối với các dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP), dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công áp dụng định mức ban hành kèm theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Dự toán xây dựng đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Các gói thầu đã ký kết hợp đồng, thực hiện theo quy định của hợp đồng đã ký và quy định pháp luật về hợp đồng xây dựng. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án PPP và quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Phần IV (Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) trong xây dựng công trình) thuộc Phần thứ nhất (Các định mức dự toán do UBND tỉnh công bố đã được rà soát) của Định mức dự toán đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các phòng: TH, NC, ĐTKT;
- Lưu: VT, CNXD (VTC-10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Y Nhuân Byă

ĐỊNH MỨC

Dự toán xây tường bằng gạch không nung

(Ban hành kèm theo Quyết định số 115 /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức này quy định Định mức dự toán công tác xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Định mức này áp dụng đối với chủ đầu tư, đơn vị hoạt động xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập dự toán chi phí xây dựng, xác định tổng mức đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư công; dự án PPP; dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án ngoài phạm vi tại khoản 1 được tham khảo, áp dụng định mức dự toán ban hành kèm theo Quyết định này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 3. Thuyết minh định mức

Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) là định mức kinh tế kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng ($1m^3$) công tác xây tường theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình, quy phạm quy định.

Điều 4. Nội dung định mức

Mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và các bảng hao phí định mức; trong đó: Thành phần công việc quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác theo điều kiện kỹ thuật, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc.

Bảng các hao phí gồm:

Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu khác cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu; mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ (%) trên chi phí vật liệu chính.

Mức hao phí lao động: Là số công của nhân công theo nhóm cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác theo yêu cầu kỹ thuật.

Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp thi công, máy khác (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp thi công.

Điều 5. Thành phần công việc

Chuẩn bị, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo xây. Trộn vữa, xây (kể cả những bộ phận, kết cấu nhỏ gắn liền với bộ phận kết cấu chung như đường viền bệ cửa sổ, gờ chỉ v.v... tính vào khối lượng) bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (vật liệu giàn giáo xây đã tính trong định mức).

Điều 6. Định mức chi tiết

AE.64200 XÂY TƯỜNG GẠCH KHÔNG NUNG (XI MĂNG CỐT LIỆU 4 LỖ 80x80x180mm), CHIỀU DÀY ≤ 10cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn Vị	Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.642	Xây tường	<i>Vật liệu:</i>					
		Gạch xi măng cốt liệu	viên	702	702	702	702
		Vữa	m ³	0,196	0,196	0,196	0,196
		Vật liệu khác	%	6,0	6,5	6,5	6,5
		<i>Nhân công nhóm 2:</i>	công	1,95	2,15	2,36	2,47
		<i>Máy thi công:</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,02	0,02	0,02	0,02
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,06	-	-
		Vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%		0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.64300 XÂY TƯỜNG GẠCH KHÔNG NUNG (XI MĂNG CỐT LIỆU 4 LỖ 80x80x180mm), CHIỀU DÀY ≤ 30cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn Vị	Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.643	Xây tường	<i>Vật liệu:</i>					
		Gạch xi măng cốt liệu	viên	667	667	667	667
		Vữa	m ³	0,24	0,24	0,24	0,24
		Vật liệu khác	%	5,0	6,0	6,0	6,0
		<i>Nhân công nhóm 2:</i>	công	1,7	1,85	2,03	2,12
		<i>Máy thi công:</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,03	0,03	0,03	0,03
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,05	-	-
		Vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%		0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.64400 XÂY TƯỜNG GẠCH KHÔNG NUNG (XI MĂNG CỐT LIỆU 4 LỖ 80x80x180mm), CHIỀU DÀY > 30cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn Vị	Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.644	Xây tường	<i>Vật liệu:</i>					
		Gạch xi măng cốt liệu	viên	625	625	625	625
		Vữa	m ³	0,297	0,297	0,297	0,297
		Vật liệu khác	%	5,0	6,0	6,0	6,0
		<i>Nhân công nhóm 2:</i>	công	1,47	1,62	1,78	1,86
		<i>Máy thi công:</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,03	0,03	0,03	0,03
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,05	-	-
		Vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%		0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40